



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

THÁNG 07 NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.711.211.327.809	9.110.171.708.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	665.362.276.224	727.802.355.742
Tiền	111		553.132.153.109	618.028.446.343
Các khoản tương đương tiền	112		112.230.123.115	109.773.909.399
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.281.621.884.074	2.797.961.380.470
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		2.281.621.884.074	2.797.961.380.470
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.084.861.251.040	1.584.470.163.370
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	984.383.247.592	1.506.795.302.935
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	90.368.236.445	73.697.607.135
Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	38.723.978.442	35.736.944.015
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.3	(28.614.211.439)	(31.759.690.715)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	4.215.290.335.052	3.582.329.782.499
Hàng tồn kho	141		4.310.014.587.231	3.651.740.541.116
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(94.724.252.179)	(69.410.758.617)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		464.075.581.419	417.608.026.049
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	33.501.378.320	29.255.297.940
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	V.15	429.599.502.225	387.340.927.601
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	V.15	974.700.874	1.011.800.508

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.238.834.874.437	2.790.394.792.886
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.899.818.916	11.488.194.916
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	215	V.5	10.893.383.916	11.481.759.916
II. Tài sản cố định	220		1.978.735.080.387	1.864.364.245.681
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.769.485.598.385	1.648.782.100.649
- Nguyên giá	222		4.968.004.853.234	4.721.876.748.746
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(3.198.519.254.849)	(3.073.094.648.097)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	81.045.919.436	91.515.291.265
- Nguyên giá	225		141.315.980.732	144.995.180.732
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(60.270.061.296)	(53.479.889.467)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	128.203.562.566	124.066.853.767
- Nguyên giá	228		148.508.103.967	143.531.273.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(20.304.541.401)	(19.464.419.960)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.11	270.944.210.297	216.849.723.688
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		28.795.478.065	27.902.442.105
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		242.148.732.232	188.947.281.583
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		310.000.000.000	260.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	V.2	310.000.000.000	260.000.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		668.255.764.837	437.692.628.601
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	634.207.286.699	410.190.019.761
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		27.574.426.786	20.592.104.588
Lợi thế thương mại	279	V.12	6.474.051.352	6.910.504.252
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		11.950.046.202.246	11.900.566.501.016

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN
(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.865.771.766.810	7.933.576.483.500
I. Nợ ngắn hạn	310		7.583.653.501.394	7.747.212.109.796
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.858.687.946.973	1.413.145.833.265
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	109.324.847.951	34.762.012.507
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		284.287.500	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	54.632.599.027	99.860.391.505
Phải trả người lao động	315		23.230.262.000	35.255.136.415
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		12.072.228.241	10.288.498.337
Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	5.950.491.848	5.696.414.951
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	5.468.985.443.152	6.101.424.587.126
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		50.485.394.702	46.779.235.690
II. Nợ dài hạn	330		282.118.265.416	186.364.373.704
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17	226.432.601.454	186.364.373.704
Trái phiếu chuyển đổi	340	V.18	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	4.084.274.435.436	3.966.990.017.516
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.203.488.287)	(550.891.189)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.731.336.559.154	1.610.207.790.905
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		1.586.022.158.265	1.338.362.554.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		145.314.400.889	271.845.236.303
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.353.820.614	26.545.573.845
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.950.046.202.246	11.900.566.501.016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.068.078.638.981	4.261.011.575.009	6.657.552.607.003	8.239.069.535.988
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		2.400.990.221	4.106.340.128	2.853.107.858	5.572.069.442
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.065.677.648.760	4.256.905.234.881	6.654.699.499.145	8.233.497.466.546
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	2.789.809.868.813	3.919.410.356.348	6.218.883.639.694	7.613.546.734.867
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		275.867.779.947	337.494.878.533	435.815.859.451	619.950.731.679
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.1	83.236.318.188	100.508.040.375	148.197.298.055	163.645.063.983
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	111.093.044.797	125.690.959.945	191.215.396.264	206.381.064.199
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		108.303.970.388	76.950.601.288	182.001.576.093	137.108.247.703
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	101.213.844.708	175.217.393.214	152.058.606.936	339.232.605.230
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	31.025.567.548	30.354.336.659	56.234.452.228	51.644.568.325
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		115.771.641.082	106.740.229.090	184.504.702.078	186.337.557.908
13. Thu nhập khác	31	VI.6	1.876.983.746	2.133.436.706	3.315.776.926	5.048.409.558
14. Chi phí khác	32	VI.6	454.410.172	797.040.489	3.365.970.971	1.704.459.718
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.422.573.574	1.336.396.217	(50.194.045)	3.343.949.840
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		117.194.214.656	108.076.625.307	184.454.508.033	189.681.507.748
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	46.389.451.374	8.995.023.434	48.687.177.519	11.375.432.513
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	(21.282.402.980)	11.404.570.065	(6.982.322.198)	27.938.351.089
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		92.087.166.262	87.677.031.808	142.749.652.712	150.367.724.146
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		93.050.892.631	87.679.206.797	145.314.400.889	150.371.427.348
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(963.726.369)	(2.174.989)	(2.564.748.177)	(3.703.202)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

De

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Trần Lê Xuân

Ngày 28 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN
(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	184.454.508.033	189.681.507.748
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản	2	134.135.606.434	132.039.993.409
Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng	3	22.168.014.286	(143.445.893.502)
Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(642.106.476)	21.594.155.047
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(141.168.911.937)	(106.318.790.908)
Chi phí lãi vay	6	182.001.576.093	137.108.247.703
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	380.948.686.433	230.659.219.497
Giảm (Tăng) các khoản phải thu	9	465.410.018.747	(237.742.531.920)
Tăng (Giảm) hàng tồn kho	10	(659.167.082.075)	1.048.212.676.952
Tăng (Giảm) các khoản phải trả	11	459.060.424.151	(519.014.237.839)
Tăng (Giảm) chi phí chờ phân bổ	12	(235.592.500.090)	12.976.333.772
Tiền lãi vay đã trả	14	(180.000.078.035)	(140.950.570.910)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(47.703.562.474)	(120.792.773.077)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.977.861.471)	(21.459.654.914)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	164.978.045.186	251.888.461.561
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(306.605.081.349)	(285.319.303.673)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	247.172.054	3.194.444.440
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(4.454.936.255.711)	(3.492.757.987.880)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	4.921.275.752.107	3.850.479.272.350
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	149.184.911.825	108.900.908.566
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	309.166.498.926	184.497.333.803

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN
(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	6.233.069.592.206	7.667.008.131.559
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.753.650.835.629)	(8.264.762.081.355)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(16.128.392.856)	(17.715.940.268)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(114.493.533.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(536.709.636.279)	(729.963.423.864)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(62.565.092.167)	(293.577.628.500)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	727.802.355.742	811.027.391.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	125.012.649	(72.758.610)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	665.362.276.224	517.377.004.289

Người lập biểu

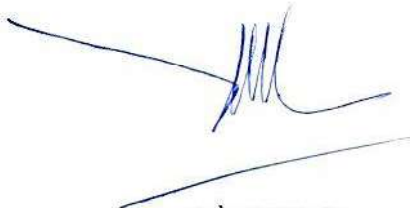
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Lê Xuân

Ngày 28 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất các sản phẩm thép, và các sản phẩm cơ khí; mua bán các sản phẩm thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

3. Mô hình hoạt động:

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 1.361 người (ngày 01 tháng 01 năm 2026: 1.367 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có Mười (10) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công Ty TNHH Logistics Hưng Việt Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1 Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
7. Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung Địa chỉ: Đường Võ Như Hưng, Khối Phố Quảng Lăng B, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	95	95
8. Công ty TNHH Thép Indo Vina Địa Chỉ: Số 91, Đường Tanah Abang II, Xã/Khu phố Cideng, Quận Gambir, Thành phố Jakarta Trung tâm Hành chính, Tỉnh DKI Jakarta	51	51
9. Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Đông Á Địa Chỉ: 18 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.	100	100
10. Công ty TNHH Phát Triển Đông Á Mekong Địa Chỉ: Đường 3A, KCN Sóng Hậu Giai đoạn 1, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế Toán

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí
kinh doanh dở dang sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ
hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia
quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

CÔNG TY CỔ PHẦN TÓN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	159.770.472	178.824.833
Tiền gửi ngân hàng	552.972.382.637	614.649.621.510
Tiền đang chuyển	-	3.200.000.000
Các khoản tương đương tiền	112.230.123.115	109.773.909.399
TỔNG CỘNG	665.362.276.224	727.802.355.742

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cho vay	225.800.700.000	88.708.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	408.983.702.740	252.000.000.000
Trái phiếu	1.646.837.481.334	2.457.253.380.470
CỘNG	2.281.621.884.074	2.797.961.380.470
Dài hạn		
Trái phiếu	310.000.000.000	260.000.000.000
CỘNG	310.000.000.000	260.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.591.621.884.074	3.057.961.380.470

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	122.436.770.385	169.850.422.798
Công Ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	101.504.438.532	116.293.772.283
Công Ty TNHH Tôn Thép Kokoro	121.197.083.459	138.230.052.375
Phải thu khách hàng khác	630.219.568.614	1.082.421.055.479
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	9.025.386.602	-
TỔNG CỘNG	984.383.247.592	1.506.795.302.935
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.614.211.439)	(31.759.690.715)
GIÁ TRỊ THUẦN	955.769.036.153	1.475.035.612.220

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Danieli Co., Ltd	19.675.195.813	19.675.195.813
PRC Technology (Beijing) Co., Ltd	18.966.033.000	12.301.011.000
Shanghai Jingxiang Industrial Company Limited	11.565.427.680	11.565.427.680
Nhà cung cấp khác	39.915.376.132	30.155.972.642
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	246.203.820	-
CỘNG	90.368.236.445	73.697.607.135
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	90.374.671.445	73.704.042.135

5. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	21.953.213.555	7.155.728.250
Phải thu chi hộ	282.333.620	237.623.800
Lãi dự thu	248.809.627	24.333.953.686
Khác	16.239.621.640	4.009.638.279
CỘNG	38.723.978.442	35.736.944.015
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	10.893.383.916	11.481.759.916
CỘNG	10.893.383.916	11.481.759.916
TỔNG CỘNG	49.617.362.358	47.218.703.931

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thành phẩm	2.731.626.541.773	2.125.029.616.569
Nguyên liệu, vật liệu	1.299.660.834.774	1.011.079.114.148
Hàng đang đi trên đường	231.265.051.937	470.467.895.742
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.921.361.115	41.285.560.434
Công cụ, dụng cụ	4.541.726.493	2.872.590.890
Hàng hoá	999.071.139	1.005.763.333
TỔNG CỘNG	4.310.014.587.231	3.651.740.541.116
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(94.724.252.179)	(69.410.758.617)
Giá trị thuần	4.215.290.335.052	3.582.329.782.499

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Số đầu kỳ	69.410.758.617	251.401.145.812
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	94.724.252.179	107.295.404.692
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(69.410.758.617)	(251.401.145.812)
Số cuối kỳ	94.724.252.179	107.295.404.692

7. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	33.501.378.320	29.255.297.940
Công cụ, dụng cụ đang dùng	20.337.510.896	18.362.884.938
Khác	13.163.867.424	10.892.413.002
Dài hạn	634.207.286.699	410.190.019.761
Tiền thuê đất trả trước (*)	485.337.758.946	269.434.429.971
Công cụ, dụng cụ đang dùng	97.207.085.194	90.728.447.899
Khác	51.662.442.559	50.027.141.891
TỔNG CỘNG	667.708.665.019	439.445.317.701

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	899.958.735.333	3.571.899.201.112	228.627.530.851	21.354.837.262	36.444.188	4.721.876.748.746
Đầu tư xây dựng cơ bản	73.754.192.131	70.638.274.642	4.753.000.000	586.440.000	-	149.731.906.773
Mua trong kỳ	46.124.000	5.454.289.375	1.148.588.000	-	86.730.242.507	93.379.243.882
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	3.679.200.000	-	-	3.679.200.000
Thanh lý	-	(626.916.167)	(35.330.000)	-	-	(662.246.167)
Tại ngày 30/06/2026	973.759.051.464	3.647.364.848.962	238.172.988.851	21.941.277.262	86.766.686.695	4.968.004.853.234
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	41.506.300.751	1.224.167.886.396	84.232.741.681	15.827.761.388	-	1.365.734.690.216
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	314.758.918.435	2.555.922.951.556	185.177.063.004	17.208.989.366	26.725.736	3.073.094.648.097
Khấu hao trong kỳ	21.238.222.609	93.061.294.774	8.952.643.653	572.475.931	6.640.837	123.831.277.804
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	2.237.582.460	-	-	2.237.582.460
Thanh lý	-	(618.050.430)	(26.203.082)	-	-	(644.253.512)
Tại ngày 30/06/2026	335.997.141.044	2.648.366.195.900	196.341.086.035	17.781.465.297	33.366.573	3.198.519.254.849
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	585.199.816.898	1.015.976.249.556	43.450.467.847	4.145.847.896	9.718.452	1.648.782.100.649
Tại ngày 30/06/2026	637.761.910.420	998.998.653.062	41.831.902.816	4.159.811.965	86.733.320.122	1.769.485.598.385

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	26.241.620.302	118.753.560.430	144.995.180.732
Thuê trong kỳ	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(3.679.200.000)	(3.679.200.000)
Tại ngày 30/06/2026	26.241.620.302	115.074.360.430	141.315.980.732
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	6.396.350.783	47.083.538.684	53.479.889.467
Khấu hao trong kỳ	1.312.081.020	7.715.673.269	9.027.754.289
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(2.237.582.460)	(2.237.582.460)
Tại ngày 30/06/2026	7.708.431.803	52.561.629.493	60.270.061.296
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	19.845.269.519	71.670.021.746	91.515.291.265
Tại ngày 30/06/2026	18.533.188.499	62.512.730.937	81.045.919.436

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	26.004.973.727	143.531.273.727
Mua mới	-	4.976.830.240	4.976.830.240
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	117.526.300.000	30.981.803.967	148.508.103.967
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	16.337.924.227	16.337.924.227
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	-	19.464.419.960	19.464.419.960
Hao mòn trong kỳ	-	840.121.441	840.121.441
Tại ngày 30/06/2026	-	20.304.541.401	20.304.541.401
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	6.540.553.767	124.066.853.767
Tại ngày 30/06/2026	117.526.300.000	10.677.262.566	128.203.562.566

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án đất nền	28.795.478.065	27.902.442.105
TỔNG CỘNG	28.795.478.065	27.902.442.105
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản	-	-
Khác	242.148.732.232	188.947.281.583
TỔNG CỘNG	242.148.732.232	188.947.281.583
TỔNG CỘNG	270.944.210.297	216.849.723.688

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung	6.474.051.352	6.910.504.252
TỔNG CỘNG	6.474.051.352	6.910.504.252

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Jfe Shoji Corporation	390.044.578.861	132.138.569.750
Phải trả cho người bán Khác	630.458.591.811	380.248.752.549
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	838.184.776.301	900.758.510.966
TỔNG CỘNG	1.858.687.946.973	1.413.145.833.265

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	10.229.621.370	10.222.917.433
H.S.I.I CO., LTD.	3.779.331.314	7.659.454.160
LLC Max Trade Group	1.675.162.101	3.367.568.059
LLC Dives-Plus	142.218.462	3.676.265.081
NST Trading Malaysia Sdn. Bhd	10.422.268.728	153.559.865
Dh Quan Trading Co., Ltd	55.713.951.639	-
Người mua trả tiền trước khác	27.362.294.337	9.682.247.909
TỔNG CỘNG	109.324.847.951	34.762.012.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số dư tại ngày 01/01/2026	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại ngày 30/06/2026
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.986.840	-	-	19.986.840
Thuế giá trị gia tăng	387.340.927.601	971.051.863.070	928.793.288.446	429.599.502.225
Thuế Thu nhập cá nhân	280.829.387	105.171.425	142.322.529	243.678.283
Khác	710.984.281	20.430.000	20.378.530	711.035.751
TỔNG CỘNG	388.352.728.109	971.177.464.495	928.955.989.505	430.574.203.099
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.744.480.559	48.687.177.519	47.744.480.559	48.687.177.519
Thuế giá trị gia tăng	45.203.581.930	930.444.250.990	973.476.646.776	2.171.186.144
Thuế thu nhập cá nhân	326.692.402	4.592.417.712	4.770.126.823	148.983.291
Thuế bảo vệ môi trường	32.400.000	178.200.000	210.600.000	-
Thuế nhập khẩu	124.293.412	394.546.530	373.815.995	145.023.947
Khác	6.428.943.202	189.121.971	3.137.837.047	3.480.228.126
TỔNG CỘNG	99.860.391.505	984.485.714.722	1.029.713.507.200	54.632.599.027

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Thù lao HDQT, BKS và ban thư ký HĐQT	3.260.674.185	3.158.035.756
Khác	2.689.817.663	2.538.379.195
TỔNG CỘNG	5.950.491.848	5.696.414.951

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN DÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY, NỢ THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/06/2026		01/01/2026
	VND		VND
Vay ngắn hạn			
Vay ngân hàng	5.410.988.275.209		5.928.729.249.974
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	36.666.750.895		29.251.943.724
Upas L/C	-		59.222.137.848
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	21.330.417.048		28.535.591.618
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 18)	-		55.685.663.962
CỘNG	5.468.985.443.152		6.101.424.587.126
Vay dài hạn			
Vay ngân hàng	216.535.582.716		167.544.136.680
Nợ thuê tài chính	9.897.018.738		18.820.237.024
CỘNG	226.432.601.454		186.364.373.704
TỔNG CỘNG	5.695.418.044.606		6.287.788.960.830
	30/06/2026		01/01/2026
	VND	USD - IDR	VND
Vay, nợ thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	5.468.985.443.152	15.769.281	6.101.424.587.126
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	4.999.152.564.884		5.928.729.249.974
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	1.918.459.087.493		1.920.997.797.170
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	2.070.329.935.544		2.237.937.719.225
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	387.865.112.128		494.239.256.932
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	-		434.165.455.574
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-		121.451.528.399
Ngân Hàng United Overseas - CN HCM	258.196.274.890		221.837.104.070
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	254.287.364.515		198.554.512.470
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	110.014.790.314		299.545.876.134
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	411.835.710.325	15.769.281	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	270.399.960.000	10.396.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	77.339.923.239	2.934.879	-
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	64.095.827.086	2.438.402	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	36.666.750.895		29.251.943.724
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	8.757.522.207		8.757.522.207
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	27.909.228.688		20.494.421.517
Upass-LC	-		59.222.137.848
Trái phiếu chuyển đổi	-		55.685.663.962
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	21.330.417.048		28.535.591.618
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	13.120.819.328		16.547.202.406
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.889.395.720		5.668.187.212
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	6.320.202.000		6.320.202.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	226.432.601.454	42.139.227.202	186.364.373.704
Vay dài hạn ngân hàng - VND	152.273.261.233		167.544.136.680
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	132.568.836.287		143.460.950.630
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	19.704.424.946		24.083.186.050
Vay dài hạn ngân hàng - IDR	64.262.321.483	42.139.227.202	-
PT. Bank Negara Indonesia	64.262.321.483	42.139.227.202	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	9.897.018.738		18.820.237.024
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	5.226.475.906		10.989.593.192
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	4.670.542.832		7.830.643.832
TỔNG CỘNG	5.695.418.044.606	42.154.996.483	6.287.788.960.830

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 6,30%/năm đến 8,00%/năm. Lãi suất của các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 7,35%/năm đến 8,50%/năm. Lãi suất của các khoản thuê tài chính từ các công ty thuê tài chính bằng VND là từ 7,86%/năm đến 9,71%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá	Lãi suất danh nghĩa	Lãi suất chiết khấu	Cấu phần vốn	Cấu phần nợ
	(năm)			(VND)	(%/năm)	(%/năm)	(VND)	(VND)
Ngày 01 tháng 01 năm 2026 và								
Ngày 30 tháng 06 năm 2026	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 10 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2028. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND								
Kỳ trước								
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	-	1.826.339.918.321	2.051.150.163	3.815.105.202.439
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(114.691.510.000)	-	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	150.371.427.348	(3.703.202)	150.367.724.146
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.054.407.963)	-	(26.054.407.963)
Khác	-	-	-	-	-	(3.158.035.756)	-	(3.158.035.756)
Tại ngày 30/06/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	-	1.832.807.391.950	2.047.446.961	3.821.568.972.866
Kỳ này								
Tại ngày 01/01/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	(550.891.189)	1.610.207.790.905	26.545.573.845	3.966.990.017.516
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(652.597.098)	-	(627.005.054)	(1.279.602.152)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	145.314.400.889	(2.564.748.177)	142.749.652.712
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(21.684.020.482)	-	(21.684.020.482)
Khác	-	-	-	-	-	(2.501.612.158)	-	(2.501.612.158)
Tại ngày 30/06/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	(1.203.488.287)	1.731.336.559.154	23.353.820.614	4.084.274.435.436

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu kỳ	1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.490.988.510.000</u>	<u>1.146.915.100.000</u>

19.3 Cổ phiếu

	30/06/2026 VND Số cổ phiếu	01/01/2026 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	149.098.851	149.098.851
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	149.098.851	149.098.851
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	149.098.851	149.098.851
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.657.552.607.003	8.239.069.535.988
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	6.588.502.025.860	8.200.662.866.616
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	69.050.581.143	38.406.669.372
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.853.107.858	5.572.069.442
Doanh thu thuần	6.654.699.499.145	8.233.497.466.546
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	6.585.648.918.002	8.195.090.797.174
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	69.050.581.143	38.406.669.372

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	140.939.732.538	104.730.375.743
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	7.257.565.517	58.914.688.240
TỔNG CỘNG	148.197.298.055	163.645.063.983

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	6.218.883.639.694	7.613.546.734.867
TỔNG CỘNG	6.218.883.639.694	7.613.546.734.867

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	182.001.576.093	137.108.247.703
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	9.213.820.171	69.272.816.496
TỔNG CỘNG	191.215.396.264	206.381.064.199

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	27.990.888.483	195.593.620.989
Chi phí lương nhân viên	28.751.999.893	31.504.438.361
Chi phí quảng cáo	36.262.476.045	27.612.616.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.464.402.580	80.302.055.548
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.588.839.935	4.219.874.218
TỔNG CỘNG	152.058.606.936	339.232.605.230

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.107.760.221	19.463.457.685
Chi phí nhân viên	29.565.908.751	27.538.527.158
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.276.378.730	3.982.735.864
Hoàn nhập (trích lập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.715.595.474)	659.847.618
TỔNG CỘNG	56.234.452.228	51.644.568.325

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Thu nhập khác	3.315.776.926	5.048.409.558
Thu nhập từ bán phế liệu	2.091.269.182	2.460.993.176
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	228.125.004	1.588.415.165
Khác	996.382.740	999.001.217
Chi phí khác	3.365.970.971	1.704.459.718
Lỗ từ bán phế liệu	-	312.136.804
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	1.417.827	-
Tiền phạt thuế	7.438.228	374.294.906
Khác	3.357.114.916	1.018.028.008
Lợi nhuận khác	(50.194.045)	3.343.949.840

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	48.687.177.519	11.375.432.513
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.982.322.198)	27.938.351.089
Chi phí thuế TNDN	41.704.855.321	39.313.783.602

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	1.835.255.733.918	1.618.536.022.389
		Bán hàng	69.050.581.143	38.406.669.372
Công ty TNHH KT Và TM Khang Việt	Bên liên quan Thành viên BKS	Mua hàng	1.673.745.720	1.529.180.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	9.025.386.602	-
Trả trước người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH KT Và TM Khang Việt	Bên liên quan Thành viên BKS	Mua hàng	246.203.820	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	838.184.776.301	900.758.510.966

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025</i>
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	1.920.000.000	120.100.000
Ông Hồ Song Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	294.053.775	1.611.946.364
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.254.313.791	1.167.663.172
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.041.646.162	1.109.432.227
Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	1.019.156.669	157.232.856
Ông Lâm Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	997.921.801	155.516.197
Ông Đỗ Hữu Vân	Phó Tổng Giám đốc	984.564.003	153.947.017
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT	1.087.504.103	1.148.213.515
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	261.400.000	11.400.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	56.000.000	6.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Hoàng Duy Nhất	Trưởng BKS từ ngày 29//05/2026	30.000.000	-
Bà Bùi Thụy Diễm Trang	Thành viên BKS từ ngày 29//05/2026	-	-
Ông Nguyễn Mai Ngọc Dung	Thành viên BKS từ ngày 29//05/2026	-	-
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS Đến ngày 29//05/2026	30.000.000	-
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS Đến ngày 29//05/2026	10.000.000	-
TỔNG CỘNG		9.066.560.304	5.641.451.348

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Ngày 28 tháng 07 năm 2026

Người lập
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân



Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Vĩnh Phước